

Bản án số: 79/2024/DS-ST

Ngày: 22-5-2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng góp hội”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Hạnh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Vân.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Ngọc Huỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri – Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa: Bà Dương Thy Trúc Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 262/2023/TLST-DS ngày 09/10/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hội” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2024/QĐST - DS ngày 01 tháng 4 năm 2024 (Quyết định hoãn phiên tòa số: 54/2024/QĐST - DS ngày 24 tháng 4 năm 2024) giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1978 (có mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1981 (có mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Lê Quốc T, sinh năm 1977 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 05/7/2023 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị tham gia chơi hội do chị Nguyễn Thị L làm chủ hội, gồm các dây hội như

sau:

Dây hội khui ngày 25/4/2020 (âm lịch), loại hội 2.000.000 đồng, có 26 phần, chị tham gia 01 phần, chị đóng được 14 tháng tổng số tiền 20.130.000 đồng (đóng từ tháng 04/2020 đến tháng 5/2021), tháng 6/2022 mãn hội.

Dây hội khui ngày 20/4/2021 (âm lịch), loại hội 2.000.000 đồng, có 21 phần, chị tham gia 01 phần, chị đóng được 02 tháng tổng số tiền 2.800.000 đồng (đóng từ tháng 04/2021 đến tháng 5/2021), tháng 02/2022 mãn hội.

Dây hội chưa mãn, chị tìm Nguyễn Thị L đóng hội nhưng Nguyễn Thị L không có nhà, sau đó liên hệ được Nguyễn Thị L thì Nguyễn Thị L nói bỏ hội. Số tiền hội chị đóng tổng cộng là 22.930.000 đồng. Chị nhiều lần đến gặp Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị L xin trả dần nhưng Nguyễn Thị L hẹn nhiều lần không trả nên chị khởi kiện. Nay chị yêu cầu Nguyễn Thị L và anh Lê Quốc T liên đới trả số tiền hội 22.930.000 đồng. Nguyên nhân chị yêu cầu anh T cùng liên đới trả là vì khi chơi hội anh T có biết, Nguyễn Thị L và anh T vẫn chung sống đầm ấm. Nguyễn Thị L xin khi nào gom được tiền hội thì trả cho chị thì chị không đồng ý.

** Theo bản tự khai ngày 08/8/2023 và trong quá trình tố tụng bị đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:*

Chị đồng ý còn thiếu số tiền hội của chị H là 22.930.000 đồng. Do những người hội viên khác không đóng tiền hội cho chị, một số người thì bỏ địa phương đi chị chưa đòi được. Chị sẽ gom tiền hội trả cho chị H. Số tiền hội không liên quan đến anh T vì anh T không biết việc cụ thể: hội viên chơi bao nhiêu, thiếu tiền bao nhiêu. Chị và anh T ly hôn, sau đó hàn gắn có đăng ký kết hôn lại rồi ly hôn. Chị không nhớ ly hôn lần cuối là năm nào nhưng anh T không chung sống với chị cách nay hơn 04 năm.

** Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Quốc T trình bày:* Việc Nguyễn Thị L chơi hội không liên quan đến anh, nếu ai đòi nợ có chữ ký của anh thì đưa ra. Anh không liên quan mà đòi anh, làm mất uy tín sao anh làm ăn được.

Tại Tòa:

** Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:* Chị tham gia chơi hội do chị Nguyễn Thị L làm chủ hội. Dây hội khui ngày 25/4/2020 (âm lịch), loại hội 2.000.000 đồng, có 26 phần, chị tham gia 01 phần, chị đóng được 14 tháng (đóng từ tháng 04/2020 đến tháng 5/2021). Dây hội khui ngày 20/4/2021 (âm lịch), loại hội 2.000.000 đồng, có 21 phần, chị tham gia 01 phần, chị đóng được 02 tháng (đóng từ tháng

04/2021 đến tháng 5/2021). Tổng số tiền hội chị đóng là 22.920.000 đồng. Chị yêu cầu Nguyễn Thị L và anh T liên đới trả, Nguyễn Thị L cho rằng khi nào lấy được tiền hội viên khác trả là chị không đồng ý, vì không hứa được khi nào trả. Chị vẫn yêu cầu anh T liên đới trả vì khi chị tham gia chơi hội thấy anh T và Nguyễn Thị L chung sống đầm ấm. Chị yêu cầu Nguyễn Thị L và anh T liên đới trả tiền hội chị đã đóng, chị không yêu cầu tính lãi và không yêu cầu tính lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án.

** Bị đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:* Trước các dây hội này, chị H tham gia nhiều dây hội khác. Chị bắt đầu tổ chức chơi hội ngày từ năm 2017, chơi hội không giấy tờ. Đến năm 2018 thì bắt đầu có làm giấy, từ từ khoảng 30 hội viên tham gia. Thời gian đầu do cuộc sống khó khăn, chị em bàn để chị làm chủ hội lấy đầu thảo; lúc đầu đóng đầy đủ nhưng đến khi dịch bệnh thì nhiều người không đóng hội. Nhiều hội viên thiếu tiền của chị chưa trả. Tiền hội của chị H, chị thừa nhận còn thiếu hai mươi mấy triệu; do sổ không còn nên không nhớ số tiền cụ thể. Số tiền hội chị H cho rằng thiếu 22.920.000 đồng chị nghĩ là đúng. Chị gom tiền hội viên khác trả cho chị H. Số tiền hội do chị thiếu, không liên quan đến anh T; vì năm 2012 chị và anh T ly hôn, sau đó quay lại được 01 năm thì mâu thuẫn tiếp. Hiện anh T có vợ khác.

** Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát:*

Về thủ tục: Trong quá trình tố tụng, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng. Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục phiên tòa. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật, riêng anh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do.

Về nội dung: Dây hội khai ngày 25/4/2020 nguyên đơn đã đóng được 20.130.000 đồng; dây hội khai ngày 20/4/2021 nguyên đơn đóng được 2.800.000 đồng. Nguyên đơn và bị đơn thống nhất chứng cứ là sổ hội do bị đơn ghi, bị đơn thừa nhận sổ nợ. Bị đơn xin chậm trả nhưng nguyên đơn không đồng ý. Bị đơn tổ chức chơi hội nhằm cải thiện cuộc sống và mở hội trong thời kỳ hôn nhân với anh T. Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự và Điều 27, 37, 60 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Nguyễn Thị L và anh T liên đới trả cho chị H số tiền hội là 22.920.000 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu tính lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Quốc T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh T là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H yêu cầu bị đơn chị Nguyễn Thị L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Quốc T liên đới trả số tiền hội 22.930.000 đồng, không yêu cầu tính lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án. Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và bị đơn chị Nguyễn Thị L thống nhất các đây hội, phần hội chị H tham gia đúng theo sổ ghi hội của bị đơn ghi. Theo sổ ghi hội, chị H đã đóng tiền hội được 22.930.000 đồng. Xét việc chị H tham gia chơi hội do Nguyễn Thị L tổ chức chơi hội là trên cơ sở tự nguyện nhưng tháng 6/2021 Nguyễn Thị L chấm dứt chơi hội mà không thanh toán tiền cho hội viên là vi phạm nên chị H khởi kiện yêu cầu trả số tiền hội là có căn cứ phù hợp theo Điều 471 Bộ luật dân sự. Nguyễn Thị L không đưa ra được thời hạn trả nợ mà cho rằng đợi thu tiền hội viên khác trả; chị H thì không đồng ý yêu cầu này và việc xin trả dần của Nguyễn Thị L cũng không phù hợp nên không được chấp nhận. Qua xác minh, Nguyễn Thị L và anh T ly hôn vào năm 2002, đến ngày 09/10/2018 thì đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân xã Bảo Thạnh và đến ngày 18/5/2023 ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 99/2023/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri. Do đó, việc Nguyễn Thị L tổ chức chơi hội là trong thời kỳ hôn nhân với anh T và việc Nguyễn Thị L tổ chức chơi hội nhằm tạo thêm thu nhập phục vụ kinh tế gia đình nên anh Lê Quốc T phải có nghĩa vụ liên đới theo Điều 27, 37, 60 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, buộc Nguyễn Thị L và anh T liên đới trả cho chị H số tiền hội 22.930.000 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu tính lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án.

[2] Xét quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí DS – ST: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn chị Nguyễn Thị L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Quốc T phải nộp $(22.930.000 \text{ đồng} \times 5\%) = 1.146.500 \text{ đồng}$ theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 27, 37, 60 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H. Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Quốc T liên đới trả cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị H số tiền hồi 22.930.000 đồng (Hai mươi hai triệu chín trăm ba mươi ngàn đồng).

2. Về án phí DS-ST: Bị đơn chị Nguyễn Thị L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Quốc T phải nộp 1.146.500 đồng (Một triệu một trăm bốn mươi sáu ngàn năm trăm đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Hoàn trả cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 575.000 đồng (Năm trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai số 0006548 ngày 07/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Quốc T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Hồng Hạnh